

QUAN ĐIỂM SỬ HỌC CỦA TẠP CHÍ TRI TÂN

Hoàng Minh Quân^(*)

^(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: hoangquan1710@gmail.com

Tóm tắt: *Tri Tân* là một tạp chí có địa vị nổi bật trong lĩnh vực văn hóa, học thuật ở Việt Nam những năm 40 của thế kỷ XX. Là một tạp chí tập trung vào khảo cứu lịch sử, *Tri Tân* đã đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền sử học Việt Nam hiện đại. Đóng góp của *Tri Tân* không chỉ nằm ở những nghiên cứu cụ thể, góp phần cung cấp sử liệu, làm sáng tỏ nhiều vấn đề còn chưa rõ ràng hoặc còn nghi vấn trong lịch sử dân tộc, mà quan trọng hơn, còn nằm ở chỗ đã đưa ra một quan điểm sử học có tính khoa học, tiến bộ, qua đó thúc đẩy sự phát triển tư duy sử học của người Việt Nam. Trong bài viết này, sau khi khái quát tinh thần hoạt động sử học của *Tri Tân*, chúng tôi đi vào phân tích quan điểm sử học được thể hiện trên *Tri Tân* với hai nội dung chủ yếu: quan điểm thực chứng về sử liệu và tinh thần dân tộc biểu hiện qua hoạt động sử học, qua đó, rút ra kết luận về đặc trưng quan điểm sử học của tạp chí này trong sự tương tác giữa hai yêu cầu của thời đại: yêu cầu của sự phát triển khoa học và yêu cầu của phong trào yêu nước.

Từ khóa: Quan điểm sử học, tạp chí *Tri Tân*, Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.

Ngày nhận bài: 01/10/2024; *ngày phản biện:* 02/10/2024; *ngày sửa chữa:* 05/10/2024; *ngày duyệt đăng:* 08/10/2024.

1. Dẫn luận

Trong các phong trào yêu nước ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, có một điểm rất đáng lưu ý là sự quan tâm đặc biệt của tầng lớp trí thức đối với vấn đề lịch sử dân tộc và hoạt động viết sử, với niềm tin sâu sắc vào mối liên hệ mật thiết giữa tinh thần dân tộc, vận mệnh dân tộc với sự nhận thức về lịch sử dân tộc. Ngay trong phong trào Đông Kinh

Nghĩa Thục – một phong trào yêu nước ôn hòa thông qua hoạt động giáo dục thập niên đầu thế kỷ XX – chúng ta đã có thể thấy nỗ lực của các nhà nho duy tân trong việc “viết lại” một bộ quốc sử mang tính phổ thông: *Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư*, “nhằm chỉnh sửa lại những điều sai lệch của thuyết cũ và thay vào những tư tưởng của học giới mới, đáng giúp ích cho các bạn trẻ yêu

nước ở trong quốc dân ta, gọi là đáp lại trong muôn một đối với ơn sâu của Tổ quốc đã mấy nghìn năm” (Chương Thu 2010: 528). Năm 1908, đến lượt Phan Bội Châu, nhà tư tưởng theo khuynh hướng bạo động, cũng dành thời gian và tâm huyết để viết *Việt Nam quốc sử khảo* với mong muốn giúp “người nước ta nhớ đến nước ta” (Phan Bội Châu 1962: 17). Tiếp nối các nhà nho duy tân, những hoạt động sử học tương tự còn được tiếp diễn trong suốt nửa đầu thế kỷ XX, như một cách để không ngừng nhắc nhở người Việt Nam về quá khứ của dân tộc.

Cũng trong thời kỳ này, sự ảnh hưởng của tinh thần khoa học phương Tây đã tạo nên những thay đổi mạnh mẽ, có tính căn bản trên rất nhiều lĩnh vực của đời sống tinh thần mà lĩnh vực sử học không phải là ngoại lệ. Tư duy khoa học đòi hỏi người trí thức đương thời phải nhìn về lịch sử với con mắt khách quan, duy lý, trước hết phải lấy truy cầu sự thực lịch sử làm căn bản. Từ đó, việc vận dụng các phương pháp khoa học nhằm thẩm định sử liệu, phê phán sử liệu, biện biệt chân ngụy, v.v. cũng trở thành yêu cầu bức thiết đặt ra đối với giới khảo cứu lịch sử.

Yêu cầu của phong trào yêu nước và của sự phát triển khoa học mà chúng tôi vừa nhắc đến cũng chính là những nhân tố định hình diện mạo, quy định xu hướng phát triển của nền sử học Việt Nam nói chung, tư tưởng sử học Việt

Nam nói riêng trong nửa đầu thế kỷ XX. Tìm hiểu về tạp chí *Tri Tân*, một tạp chí tập trung vào hoạt động khảo cứu lịch sử ra đời năm 1941, chúng ta có thể thấy rõ hoạt động sử học và quan điểm sử học của người Việt Nam, dưới tác động của những nhân tố này, đã có sự biến đổi như thế nào. *Tri Tân* ra đời và hoạt động trong 5 năm đầu thập niên 40, giai đoạn mà tinh thần dân tộc đang dâng cao trong các tầng lớp dân chúng và cuộc vận động giải phóng dân tộc đã bước vào giai đoạn gấp rút, cũng chính là thời điểm mà nền văn hóa, học thuật, khoa học phương Tây đã trải qua một khoảng thời gian đủ dài để thấm sâu và làm biến đổi mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần ở Việt Nam, thời điểm mà người trí thức Việt Nam đã đi qua giai đoạn tiếp thu để bước sang giai đoạn chuyển hóa các tri thức phương Tây vào trong các hoạt động chính trị, văn hóa, học thuật, v.v. của mình, vì vậy, sự nghiệp và quan điểm sử học của *Tri Tân* lại càng mang tính tiêu biểu cho sự phát triển của nền sử học và tư tưởng sử học Việt Nam đương thời, một mặt, nhấn mạnh vào tính khoa học, mặt khác, lại cũng khẳng định tính dân tộc của hoạt động khảo cứu lịch sử.

2. “Ôn cố tri tân”: tinh thần của hoạt động sử học trên tạp chí *Tri Tân*

Hai chữ “tri tân” bắt nguồn từ câu nói của Khổng Tử được ghi lại trong thiên “Vi chính” của sách *Luận ngữ*: “Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ” [Ôn cũ

mà biết mới, thì có thể làm thầy được] (Viện Nghiên cứu Hán Nôm 2004: 246). Câu nói này của Khổng Tử một mặt khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa “ôn cố” và “tri tân”, cho rằng “ôn cố” cần phải bao hàm bên trong nó ý nghĩa “tri tân”, nhận thức lịch sử không tách rời nhận thức hiện tại, hay nói cách khác là coi lịch sử như một nguồn mạch chứa đựng đầy kinh nghiệm và sinh lực cho hiện tại và tương lai. Mặt khác, nó cũng nhấn mạnh việc “ôn cố” cần phải vượt ra khỏi khuôn khổ của sự ghi nhớ sự kiện lịch sử đơn thuần, để hướng tới khai phá những ý nghĩa mới, người nào có khả năng “ôn cố” theo nghĩa đó, thì mới có thể “làm thầy” người khác. Chu Hi giải thích câu này của Khổng Tử: “Ý nói học mà có thể thường thường ôn lại điều đã từng nghe, mà có được hiểu biết mới, thì sự học là ở ta, mà ứng dụng của nó vô cùng, cho nên có thể làm thầy của người khác. Còn nếu như chỉ là cái học để ghi nhớ phục vụ cho việc đối đáp, thì không đạt được gì ở trong tâm, mà sự hiểu biết sẽ có hạn, cho nên cái học ghi nhớ đối đáp không đủ để khiến mình trở thành thầy của người” (Chu Hi 1975: 9). Nhìn chung, cả hai khía cạnh trên đều có ý nhấn mạnh “ôn cố” không thể tách rời “tri tân”, “ôn cố” tự nó không phải là mục đích, mà phải lấy “tri tân” làm mục đích.

Đặt cái tên “Tri Tân” vào trong ngữ cảnh câu nói của Khổng Tử, chúng ta có thể phần nào thấy được tinh thần của

hoạt động sử học trên tạp chí *Tri Tân*. Thứ nhất, nếu coi hoạt động sử học như là hoạt động “ôn cố”, thì việc lấy “tri tân” làm tên tạp chí đã cho thấy rất rõ ràng, đối với những người chủ trương *Tri Tân*, hoạt động khảo cứu lịch sử mà họ tiến hành phải lấy “tri tân” làm mục đích, hay nói cách khác, là lấy kinh nghiệm, tri thức lịch sử để soi chiếu vào thời đại mới. Trong lời “phi lộ” đăng trên số 1, những người sáng lập tạp chí đã có sự giải thích về cái tên này: “Nhìn vào tận mặt hiện tại? Bề bộn bao việc cần phải làm! Chính trị? Môn chuyên môn đó đã có các nhà đương đạo. “Ôn cũ! Biết mới!”, nhằm cái đích ấy, TRI TÂN riêng đi con đường văn hóa. Với cặp kính khảo cứu, TRI TÂN lần dò từng trang lịch sử” (Tri Tân 1941a: 3). Có thể thấy, *Tri Tân* là tờ tạp chí được lập nên để giải quyết các vấn đề văn hóa của hiện tại, ở đó, khảo cứu lịch sử là phương tiện, nhận thức và giải quyết các vấn đề hiện tại mới là mục đích.

Thứ hai, nếu “ôn cố” cần phải vượt lên trên giới hạn của sự ghi nhớ sự kiện thuần túy để hướng đến phát lộ những ý nghĩa và nhận thức mới, thì hoạt động khảo cứu lịch sử nhất thiết phải vượt lên trên sự ước thúc của lối học tập “tầm chương trích cú”, ghi nhớ câu chữ của nền học vấn cũ. Đặt trong bối cảnh mới, quan điểm này ở một mức độ nhất định cũng có thể mở ra nhận thức về hoạt động sử học với tư cách một khoa học, mà ở đó, tính khám phá mới là thứ cần

được đề cao. Tất nhiên, ở khía cạnh này, *Tri Tân* một mặt có sự kế thừa, mặt khác lại cũng có sự vượt thoát quan điểm sử học truyền thống. Họ không chỉ nhấn mạnh tính khám phá, mà còn đặc biệt nhấn mạnh tính khách quan, cho rằng tinh thần truy cầu chân lý mới là thứ dẫn dắt hoạt động sử học: “Dẫu vậy, TRI TÂN không bo bo nhốt tư tưởng riêng một quê hương; mạnh bạo tiến bước trên đường chân lý. Là tấm lụa bạch, TRI TÂN chỉ viết những hàng chữ chân phương, ngay thẳng, không tự hoặc bị nhuộm một màu sắc nào” (Tri Tân 1941a: 3).

Từ hai ý nghĩa này, có thể thấy, đối với những người chủ trương *Tri Tân*, hoạt động sử học, một mặt, cần phải lấy giải quyết vấn đề của hiện tại, mà đặc biệt là vấn đề dân tộc làm mục đích, nên không thể không mang tính chủ thể sâu sắc; mặt khác, lại cũng cần phải lấy sự truy cầu chân lý, truy cầu sự thực lịch sử làm mục đích, nên không thể không chú trọng vấn đề sử liệu và tính khoa học của hoạt động sử học. Đây cũng chính là hai nội dung lớn trong quan điểm sử học của tạp chí *Tri Tân*.

3. Quan điểm thực chứng về sử liệu

Khi coi truy cầu chân lý là mục đích của hoạt động sử học, tạp chí *Tri Tân* đặc biệt nhấn mạnh vấn đề sử liệu. Thậm chí, có thể nói, mối quan tâm hàng đầu của nhóm *Tri Tân* là sử liệu, bởi họ hiểu rằng, không có sử liệu, thì không thể tái hiện một cách chân thực lịch sử

dân tộc, không thể dựng lên được một bộ “quốc sử” chân chính. Vì vậy, ngay từ những số đầu, những người sáng lập *Tri Tân* không ngại thừa nhận nhiệm vụ của mình trước hết là “góp nhặt sử liệu” chứ chưa phải là viết một bộ quốc sử. Bài viết “Trên đường sử học tiến lên” ở số 2, dưới cái tên mang tính đại diện – Tri Tân, đã khẳng định: “bổn phận buộc chúng ta nay phải nhặt lượm sử liệu, phê phán sử liệu, đính chính sử liệu rồi góp vào cái kho sử học chung để mai sau, gạch ấy, gỗ ấy, mong rằng có thể cung cấp cho bọn thợ tương lai xây cất cái lâu đài “Quốc Sử” toàn thiên, toàn mỹ” (Tri Tân 1941b: 2). Phát biểu trên, như một tuyên bố về sứ mệnh của *Tri Tân* với tư cách cơ quan ngôn luận của một nhóm nghiên cứu lịch sử, hay theo cách nói của họ là một “đoàn sử học”, không chỉ nêu bật yêu cầu quan tâm đến vấn đề sử liệu, mà còn khái quát nên thái độ cần phải có đối với sử liệu: người viết sử không chỉ cần “nhặt lượm” sử liệu, mà nhất định còn cần phải phê phán và đính chính sử liệu. Đây là quan điểm có tính nhất quán, không ngừng được tái khẳng định trong suốt quá trình hoạt động của tờ tạp chí này. Năm 1942, khi nhìn lại một năm hoạt động của mình, những cây bút của *Tri Tân* một lần nữa bày tỏ: “chúng tôi chỉ nhận là những tay hì hụi đi nhặt lượm, khuân vác sử liệu mà thôi, chứ chưa dám có cái xa vọng làm những người thợ xây dựng lâu đài lịch sử. Trong đồng gỗ, gạch, từng tuần lễ

một, chúng tôi đã gom góp được đó vẫn biết không khỏi có cái tạp, cái non, cái phí, nhưng tựu trung không phải không có những thứ có thể dùng vào công cuộc kiến trúc được” (Tri Tân 1942: 2).

Không chỉ nhấn mạnh tầm quan trọng của sử liệu và việc sưu tầm, phê phán, đính chính sử liệu, các học giả *Tri Tân* đồng thời đã đưa ra những quan điểm có tính chỉ dẫn cho công việc liên quan đến sử liệu của mình. Trong đó, tinh thần xuyên suốt của họ là đối diện với sử liệu với một thái độ khách quan. Trong bài “Lạc vương với Hùng vương” đăng trên *Tri Tân* số 96, Nguyễn Văn Tố khi phê phán quan điểm “thiên về chủ nghĩa quốc gia” của Lê Du trong sử dụng sử liệu¹, đã viết: “Tôi tưởng làm sử cốt tìm sự thực mà đừng có chép sai tức cũng như quan tòa hỏi án, hễ người nào biết, đều phải hỏi cả, không cứ người nước nào; nếu theo mấy thuyết của cụ Sở cuồng, thì không khỏi sinh ra thiên vị” (Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố 1943: 4). Vì vậy, ngay từ đầu, khi đặt ra yêu cầu tìm kiếm sử liệu, những người sáng lập *Tri Tân* đã sớm mở rộng phạm vi sử liệu dưới dạng thành văn là “tìm tòi trong đồng sách đông tây, nhặt lượm lấy các sử liệu có dính líu đến Nam Việt” (Tri Tân 1941b: 2). Việc thu thập sử liệu gắn liền với đối chiếu và so sánh sử liệu do đó đã trở thành một thao tác quen thuộc của các cây bút *Tri Tân*.

Tiếp đó, để có thể tái dựng nhân vật và sự kiện lịch sử một cách chân thực

nhất, họ đặc biệt nhấn mạnh rằng sử liệu không chỉ nằm trong sách vở, mà còn nằm ở chứng nhân lịch sử, di tích lịch sử, cho nên, bên cạnh việc khảo sát “đồng sách đông tây”, lại cũng cần “đến hỏi tận nơi mấy bậc cổ lão những chuyện mắt thấy tai nghe ở lớp các cụ, rồi ghi chép lấy để làm sử liệu sống”, “đến thăm tận nơi những vết cũ, dấu tàn có dính líu đến lịch sử như lăng vua Bô Cái Phùng Hưng, thành Cổ lộng” (Tri Tân 1941b: 2). Trên thực tế, *Tri Tân* đã cụ thể hóa quan điểm này của mình với những đóng góp hết sức phong phú vào kho sử liệu dân tộc. Bên cạnh những bài viết độc lập, đáng chú ý là trên *Tri Tân* có nhiều loạt bài rất có giá trị liên quan đến vấn đề sưu tập, khảo chứng, so sánh sử liệu, chẳng hạn như loạt bài “Bia Văn miếu: Những ông nghề triều Lê”, “Tài liệu để đính chính những bài văn cổ”, “Đại Nam dật sự” của Nguyễn Văn Tố, v.v.. Nhìn chung, việc xác lập quan điểm về sử liệu cũng như sự hiện thực hóa nó qua các bài khảo cứu đều là những nỗ lực của các học giả *Tri Tân* trong việc đưa hoạt động sử học thực sự trở thành một khoa học, mà ở đó, sử liệu được tiếp cận như một đối tượng khách quan với người viết sử, và được

¹ Quan điểm của Lê Du được Nguyễn Văn Tố trích lại: 1. Việc nước nào, người nước ấy thảo ra mới đúng; 2. Một việc phát sinh ở nước nào, sách vở nước ấy chép ra mới đúng; 3. Một dân tộc nào, khởi thủy ở đâu, phải theo sách vở của nước ấy chép ra mới đúng; 4. Danh từ gì của một dân tộc nào đặt ra, phải dân tộc ấy nói ra mới đúng (Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố 1943: 4).

xử lý bởi phương pháp khoa học, chứng cứ khoa học chặt chẽ.

Quan điểm đề cao ý nghĩa của sử liệu và yêu cầu về việc sưu tầm, phê phán, đính chính sử liệu mà *Tri Tân* trình bày ở trên mang dấu ấn đậm nét của trường phái sử học thực chứng phương Tây, vốn coi nền tảng để tái tạo lịch sử là tài liệu, và việc tìm tòi, tập hợp tài liệu là nhiệm vụ hàng đầu của nhà sử học (Hoàng Hồng 2023). Chúng ta có thể củng cố nhận định này, khi đọc bài “Lạc vương với Hùng vương” mà chúng tôi đã dẫn ở trên, trong đó, bên cạnh việc bàn về vấn đề sử dụng sử liệu, so sánh sử liệu cũng như áp dụng nó vào việc làm rõ tính chính xác của tên gọi “Hùng vương”, Nguyễn Văn Tố đã viện dẫn những cái tên Langlois, Seignobos, Monod – những sử gia thực chứng tiêu biểu – như là mẫu mực của nghiên cứu lịch sử (Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố 1943: 4). Vì vậy, chúng ta cũng có thể gọi quan điểm về sử liệu của các học giả *Tri Tân* là quan điểm thực chứng về sử liệu.

Khi đề xuất quan điểm mang tính thực chứng về sử liệu như vậy, các học giả *Tri Tân* đồng thời muốn xác lập một tầm nhìn mới về sử học, trong sự đối sánh với sử học truyền thống. *Thứ nhất*, họ muốn phê phán thái độ coi thường sử liệu, coi thường chi tiết lịch sử của sử học truyền thống. Hạn chế này khiến cho lịch sử dân tộc không thể được ghi chép một cách tường tận và cản trở việc nhận thức một cách chân thực, toàn diện

về lịch sử dân tộc, đồng thời, khiến cho rất nhiều khía cạnh của lịch sử bị chìm lấp. Các học giả *Tri Tân* thường xuyên than phiền về sự thiếu thốn sử liệu khi tìm hiểu về lịch sử của dân tộc. Chẳng hạn, khi viết về lịch sử nghề in ấn ở Việt Nam, Hoa Bằng đã chỉ ra: “Sử sách ta xưa ít chú trọng đến những việc quốc kế, dân sinh, không cho làm quan yếu đối với những công cuộc cần thiết, như kinh tế sinh hoạt, nghệ thuật sinh hoạt, nên dưới ngòi sử bút, rất hay sơ lược hoặc thiếu sót về mặt thực nghiệp và kỹ nghệ” (Hoa Bằng 1942a: 2). Hay khi viết về nhà Đinh, Nguyễn Văn Tố cho rằng: “nhưng chính người làm sử cũng không chép kỹ đến phép dẹp loạn, cách tổ chức của vua Đinh Tiên Hoàng. Hồi bấy giờ (năm 965-968) nam bắc phân vân, các bộ sứ quân đều xưng hùng trường, chiếm giữ đất cõi: vua Tiên hoàng cùng con cả là Đinh Liễn làm thế nào mà dẹp yên? Khi dẹp xong, cai trị ra làm sao? Chia nước làm mười đạo là những đạo nào? Đặt quân lữ ở những đâu? Giao thiệp với nước ngoài ra thế nào? Có thật đã bắt đầu đúc tiền “Thái bình” (970-979) là tiền đồng cổ nhất của nước Nam không? Bấy nhiêu câu không thấy nhà làm sử nào nghiên cứu tường tận” (Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố 1942: 11). Còn nhiều ví dụ khác được các cây bút *Tri Tân* chỉ ra để chứng minh cho sự coi nhẹ sử liệu của sử gia Việt Nam trong quá khứ, và theo họ, nếu không khắc phục được sự thiếu hụt sử liệu đó

thì không thể bàn đến việc xây dựng một công trình về lịch sử dân tộc, dù chỉ là một cuốn sử phổ thông. Và nguyên nhân của thái độ coi thường sử liệu này, được Hoa Bằng lý giải là nằm ở chỗ sử học truyền thống quá đề cao “cá thể của vua chúa” mà lại “quá sơ lược ở chỗ quan trọng của toàn thể quốc dân” (Hoa Bằng 1942b: 3), nói cách khác, cái mà sử gia trong quá khứ quan tâm là sử triều đại chứ không phải là sử dân tộc, điều đó khiến cho tất cả những sự kiện, những vận động hết sức sinh động trong đời sống xã hội bị đặt ra ngoài tầm mắt của họ, khiến chúng không được ghi chép lại và do đó, không có cơ hội cất lên tiếng nói của mình. Đọc *Tri Tân*, có thể thấy, các học giả của tạp chí này rất chú trọng đến việc tiếp cận lịch sử từ góc độ đời sống của dân chúng, với những bài viết về lịch sử của những lĩnh vực rất hẹp, như: lịch sử nghề ấn loát, lịch sử tóc, v.v, đó cũng là một cách đề các dữ kiện lịch sử được dịp lên tiếng và hiện diện trong bộ sử chung của dân tộc.

Thứ hai, các học giả *Tri Tân* còn phê phán khuynh hướng gắn sử học với luân lý của nền sử học truyền thống. Đây là đặc điểm quan trọng của sử học Nho gia, ở đó, sử học không tách rời luân lý, tác phẩm sử học ở một mức độ nhất định cũng đóng vai trò truyền tải quan niệm luân lý. Học giả người Đài Loan Hoàng Tuấn Kiệt cho rằng đây là một đặc trưng của tư duy lịch sử Trung Quốc khi bàn về mục đích của hoạt động viết

sử truyền thống: “Nói cách khác, nhiệm vụ của các sử gia không phải chỉnh lý sử liệu hay đánh giá sự kiện mà là khai quật “tính siêu thời gian” chìm ẩn trong lịch sử để làm kim chỉ nam cho đời sống con người. Vì vậy, nhìn từ mục đích của hoạt động viết sử, sử học Trung Quốc quả thực chính là một loại hình đạo đức học và chính trị học” (Hoàng Tuấn Kiệt 2022: 51). Với những người coi trọng sử liệu và chỉnh lý sử liệu như các sử gia *Tri Tân*, thì đương nhiên khó có thể tán đồng lối viết sử không có sự phân tách giữa khoa học và luân lý như vậy. Khi đi vào con đường nghiên cứu lịch sử, những người chủ trương tạp chí *Tri Tân* đã sớm thể hiện mong muốn vượt lên trên bút pháp viết sử của *Xuân Thu*, vốn được xem như mẫu mực của nền sử học truyền thống. Mà bút pháp *Xuân Thu* chính là phương tiện để ký thác “đại nghĩa *Xuân Thu*” với những ngụ ý đạo đức hết sức rõ rệt được Tường Bá Tiềm khái quát trong mấy chữ: “chính danh tự”, “định danh phận”, “ngụ bao biếm” (xem: Lê Phương Duy 2023: 258). Nguyễn Văn Tố, trong bài viết “Sử thần đối với nhà Đinh thế nào?” trên *Tri Tân* số 41, đã đứng từ điểm nhìn này để phê phán sử gia truyền thống “cho sử học với luân lý đi đôi với nhau”, “chỉ phê phán theo thuyết nho giáo, chưa ai biết lấy con mắt nhà sử học, chủ ở khách quan, để xem, xét sự nghiệp của một bậc đế vương tài giỏi hơn đời” (Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố 1942: 11). Theo

ý Nguyễn Văn Tố, việc gắn sử học với luân lý đã khiến các sử gia trong quá khứ chỉ chú trọng ghi chép những sự kiện có thể dẫn đến những đánh giá về mặt luân lý như lập thái tử, lập hoàng hậu của vua Đinh trong khi bỏ qua rất nhiều những sự kiện, chi tiết khác vốn có thể phản ánh được một cách đầy đủ sự nghiệp của nhân vật lịch sử này.

Tóm lại, quan niệm thực chứng về sử liệu được trình bày qua các bài viết trên *Tri Tân*, một mặt thể hiện yêu cầu khẩn thiết của những người sáng lập tạp chí này về việc thiết lập một nền sử học mới với tính cách là một khoa học, vượt lên trên nền sử học truyền thống vốn có sự đan cài giữa lịch sử và luân lý, mặt khác cũng cho thấy những nỗ lực của họ trong việc từng bước tạo dựng nền tảng cho một bộ lịch sử dân tộc thay vì lịch sử triều đại, dựa trên một nguồn sử liệu sống động, phong phú.

4. Tinh thần dân tộc biểu hiện qua hoạt động sử học

Việc *Tri Tân* đặc biệt coi trọng sử liệu và nhấn mạnh tính khoa học của hoạt động sử học không có nghĩa là họ coi hoạt động sử học chỉ như một hoạt động khảo cứu thuần túy xoay quanh sử liệu. Trong bối cảnh Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, hoạt động sử học luôn đồng thời chứa đựng ý nghĩa vượt lên trên phạm vi khoa học thuần túy, cũng như chính tinh thần hướng đến “tri tân” của tạp chí này. Nói đến yêu cầu khách quan, khoa học của *Tri Tân*, thì đó là yêu cầu tái

hiện lại lịch sử dân tộc một cách chân thực nhất, khả tín nhất dựa trên những bằng chứng lịch sử tin cậy, còn việc tái hiện lại lịch sử dân tộc một cách chân thực bản thân nó lại chứa đựng ý thức sâu sắc về tinh thần dân tộc. Lịch sử, dưới tầm nhìn đó, không chỉ là tập hợp của những sự kiện được thể hiện qua các mảnh sử liệu, mà là một hành trình dựng nước và giữ nước đầy sống động của người Việt Nam trong lịch sử, hàm chứa trong nó rất nhiều kinh nghiệm và bài học cho hiện tại.

Đối với các học giả *Tri Tân*, lịch sử không chỉ là sự kiện, mà còn là nguồn sinh lực cho tinh thần quốc gia, vì vậy, hiểu biết về lịch sử là cơ sở cho việc bồi đắp lòng yêu nước, và sự yêu mến lịch sử cũng chính là yêu nước: “Có đọc sử mới thấy rõ rằng tinh thần quốc gia Việt Nam, trải mấy ngàn năm, không bao giờ chết! Có đọc sử mới thấy rõ công khó nhọc của tổ tiên gây dựng nước nhà, gìn giữ giang san, mở mang bờ cõi là lớn lao đến thế nào! Có đọc sử mới thấy rõ những chiến công oanh liệt, những hành động hiên ngang của các vị anh hùng xưa, đáng quý, đáng trọng, đáng tôn sùng là thế nào! Thấy rõ mấy điều ấy rồi, người đọc sử sẽ giật mình như tỉnh một giấc mê ly, như ra khỏi nơi u ám. Rồi, trước mắt người đọc, sán lạn, rực rỡ hiện ra con đường vinh quang của lịch sử Việt Nam dài dằng dặc. Thông hiểu sử nước nhà, ngoài sự khỏi hổ với ta và với kẻ khác, còn đáng thêm mạnh mẽ cho tinh thần

quốc gia, thêm chắc chắn cho lòng sùng bái anh hùng của đất nước. *Muốn thiết đạ yêu nước, cần phải hiểu biết lịch sử nước nhà*” (Khuông Việt 1941: 2).

Nhìn vào hoạt động sử học của *Tri Tân*, chúng ta không khó nhận ra rằng, một trong những nội dung chủ đạo của các khảo cứu lịch sử trên tạp chí này là khảo cứu về các anh hùng dân tộc, gắn với công cuộc “Bắc cự, Nam tiến” của dân tộc Việt Nam. Trong 5 năm hoạt động của mình, từ 1941 đến 1945, *Tri Tân* đã ra tổng cộng 14 đặc san, trong đó có 4 số đặc san thuộc lĩnh vực lịch sử thì cả 4 số này đều là đặc san về các nhân vật lịch sử có vai trò trong công cuộc gây dựng nền độc lập, thống nhất, bảo vệ và mở rộng lãnh thổ, đó là các số đặc san về Trần Hưng Đạo, Đinh Tiên Hoàng, Gia Long, Lê Thái Tổ, đó là chưa kể những số tuy không phải là đặc san, nhưng cũng tập trung vào một số anh hùng dân tộc, như số 35 có nhiều bài về Quang Trung, số 38 có nhiều bài về Hai Bà Trưng v.v.. Cũng phải lưu ý rằng, với quan điểm lịch sử tiến hóa của dân tộc không chỉ được dẫn dắt bởi những vĩ nhân (xem: Hoa Bằng 1943: 3), các cây bút *Tri Tân* không chỉ nói về những nhân vật nổi danh trong lịch sử, mà còn coi trọng những nhân vật có công lao đối với dân tộc nhưng lại bị khuất lấp trong sử ký truyền thống. Chẳng hạn, ngay trên *Tri Tân* số 2, chúng ta đã thấy bài viết về một nhân vật như vậy: bài “Một nữ anh hùng bị mai một!

Bà Lương giết giặc Minh hạ thành Cổ Lộng” của Chu Thiên. Bài viết sau khi trình bày và phân tích các sử liệu, bao gồm cả sự khảo sát di tích, liên quan đến người đàn bà họ Lương ở Ý Yên, Nam Định – một phương pháp quen thuộc của các học giả *Tri Tân*, đã khẳng định tính chân thực của nhân vật lịch sử này và sự kiện liên quan đến bà, đồng thời nhận định: “Chỉ lạ một điều: một đoạn lịch sử vẻ vang như thế, một võ công oanh liệt như thế, một mưu tính kỳ diệu như thế, vậy mà trên Quốc sử không có lấy một dòng một chữ nói đến! Có lẽ các nhà làm sử sau này bị ảnh hưởng ở cái lệ “nam ngoại nữ nội” trong luật Hồng Đức mà không dám chép chuyện kia ra, sợ làm nêu cho nữ giới? Hay tại người ta ngại chép vào mang tiếng cho giống nòi, trong khi kháng ngoại phải dùng đến kế mỹ nhân mà chính cái người lập nên công lớn kia lại là người tự đem sắc đẹp ra lợi dụng trước? Nếu nghĩ thế thì thật nhầm. Trong thời kỳ ấy, bổn phận của tất cả mọi người, gái cũng như trai, phải báo thù nước. Làm trọn bổn phận ấy, là bậc vĩ nhân rồi. Đau lòng vì cảnh làm than của giống nòi, căm tức vì nỗi điêu linh ở đất nước, Lương Phu Nhân quăng kim chỉ, giúp một tay giải cứu đồng bào. Công nghiệp ấy thật đáng sùng bái. Viết bài này, tôi trình chánh cùng quốc dân một điều khuyết điểm trong Việt sử và đồng thời tôi xin hương hoa kỷ niệm một vị cứu quốc nữ anh hùng mà dân ta ngày nay ít người biết đến!” (Chu Thiên

1941: 19). Ở đây, Chu Thiên không lấy xuất thân của nhân vật làm tiêu chí để phán định nhân vật đó có đáng được ghi chép lại trong lịch sử hay không, mà lấy công nghiệp của nhân vật, lấy việc nhân vật đó có làm tròn bổn phận “báo thù nước” hay không làm tiêu chí, đó cũng là một cách để bày tỏ tinh thần dân tộc.

Khi nhìn lại hai năm hoạt động của mình, những người chủ trương *Tri Tân* đã khẳng định: “Chính lịch sử đã làm chứng công cuộc Bắc cự, Nam tiến của dân tộc ta và in lại những nét văn trị võ công bằng những chữ vàng rực rỡ. Phải chăng cái tinh thần đặc biệt ấy đã diu được “con thuyền” quốc gia vào “bến” tồn tại trong bao cơn bão táp ba đào?” (Tri Tân 1943: 2). Như thế, lịch sử dân tộc được tái tạo, hiện hình trên *Tri Tân*, trước hết chính là lịch sử “Bắc cự, Nam tiến” của người Việt Nam, là lịch sử đối kháng với các thế lực bên ngoài để bảo vệ và phát triển đất nước, là lịch sử được dựng nên bằng “văn trị võ công” của những anh hùng dân tộc, là lịch sử thấm đẫm tinh thần yêu nước của các thế hệ người Việt Nam trải từ thời Bắc thuộc. Những nỗ lực tái tạo một cách chân thực lịch sử dân tộc của các học giả *Tri Tân*, dù chỉ thông qua những “mảnh sử”, “đoạn sử”, cũng chính là nỗ lực xây dựng ký ức tập thể, củng cố sự nhận đồng về thân phận lịch sử của người Việt Nam, để “người mình biết rằng dân tộc ta cũng có nhiều cái khả năng tính, không đến nỗi là một dân

tộc đốn hèn” (Hoa Bằng 1943: 3). Với ý nghĩa đó, thực hành sử học, ở trường hợp tạp chí *Tri Tân*, không phải không mang tính chất của một thực hành chính trị. Họ viết về lịch sử “Bắc cự, Nam tiến” của dân tộc Việt Nam cũng chính là một phương thức để thể hiện thái độ đối kháng với thực dân Pháp trong bối cảnh thuộc địa. Sự đan cài này được nhà nghiên cứu Trần Trọng Dương gọi là “đôi thoại đa thanh” của ngòi bút sử học khi bàn về Nguyễn Văn Tố, mà ở đó, nói về lịch sử đối kháng Nam – Bắc cũng chính là để nói đến sự đối kháng Việt – Pháp trong hiện tại: “Những dòng sử bút này thuật lại một lịch sử đối kháng Nam – Bắc, nhưng đồng thời coi đó như là tiền lệ cho đối kháng hiện thời giữa người Việt và người Pháp” (Trần Trọng Dương 2019).

Nhìn rộng ra, thực hành sử học của *Tri Tân* không chỉ nằm ở khía cạnh khảo cứu, mà còn nằm ở những nỗ lực nhằm khơi gợi sự quan tâm, lòng yêu mến đối với lịch sử nước nhà của dân chúng. Họ tổ chức các cuộc thi viết bài khảo cứu về lịch sử. Họ lấy lịch sử dân tộc làm nguồn cảm hứng cho sáng tác văn học. Chính trên *Tri Tân*, chúng ta thấy một loạt tiểu thuyết lịch sử dài kỳ, với tác giả tiêu biểu là Chu Thiên Hoàng Minh Giám, mà mục đích của nó, như chính những người chủ trương tạp chí này đã khẳng định: “để gây hứng thú cho các bạn thiếu niên nam nữ ôn lại chuyện cũ nước nhà bằng lối tiểu thuyết hóa” (Tri Tân 1942:

2). Đó đều là những cách khác nhau để khơi dậy tinh thần dân tộc nơi độc giả *Tri Tân*. Ở Việt Nam những năm 40, việc lấy lịch sử làm cảm hứng cho sáng tác nghệ thuật, như một chất xúc tác cho tinh thần yêu nước của người Việt Nam, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, là một hiện tượng có tính phổ biến. Đặt vào bối cảnh của chế độ kiểm duyệt, những địa danh lịch sử, nhân vật lịch sử đã trở thành những ẩn dụ cho tinh thần, thái độ phản kháng của người Việt Nam trước chính quyền thực dân. Trong phong trào sinh viên yêu nước thời kỳ này, chúng ta thấy nổi bật lên hoạt động của Ban âm nhạc Tổng hội sinh viên Đại học Đông Dương với những bài hùng ca có tầm ảnh hưởng xã hội sâu rộng như “Bạch Đằng giang”, “Ái Chi Lăng” v.v. của Lưu Hữu Phước. Điều đáng chú ý là, tác phẩm “Bạch Đằng giang” nổi tiếng (nhạc của Lưu Hữu Phước, lời của Mai Văn Bộ và Nguyễn Thành Nguyên) đã được đăng tải chính trên *Tri Tân* số 64 năm 1942, với những lời nhắc nhở “người nay” về quá khứ giữ nước của dân tộc: “Người nay có hay: đã vì chúng ta/Người hùng anh xưa giữ nước non nhà” (Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Nguyễn Thành Nguyên 1942: 12). Đây cũng chính là những gì mà các học giả *Tri Tân* hướng đến thông qua các nghiên cứu lịch sử của mình”. Mối liên hệ này giữa *Tri Tân* với những nhà trí thức trẻ tuổi hoạt động trong Tổng hội sinh viên trên thực tế đã cho thấy, *Tri Tân* không

tự khép bản thân trong không gian của sự khảo cứu đơn thuần, mà đã hòa nhập vào trong phong trào yêu nước chung của cả dân tộc, theo một phương thức phù hợp với phạm vi, lĩnh vực chuyên môn của mình.

Rõ ràng, ở khía cạnh này, hoạt động sử học của *Tri Tân* ít nhiều vẫn mang tải tinh thần của sử học truyền thống, cũng như khi những người sáng lập ra nó đã lấy câu nói của Khổng Tử trong *Luận ngữ* làm nguồn cảm hứng cho cái tên tạp chí của mình. Đặt trong bối cảnh thuộc địa, khi vấn đề dân tộc là vấn đề có tính cấp bách, thì khuynh hướng lấy sử học để thể hiện tinh thần dân tộc là khuynh hướng có tính phổ biến không chỉ ở Việt Nam. Ở Trung Quốc đầu thế kỷ XX, Tiền Mục – học giả được mệnh danh là một trong tứ đại sử gia của Trung Quốc hiện đại, trên cơ sở kế thừa sử học truyền thống, đã đưa ra quan điểm “quốc sử” nhấn mạnh vào mối liên hệ mật thiết giữa sử học và tinh thần dân tộc: “Nhiệm vụ quan trọng nhất của loại thông sử mới đặc biệt nằm ở việc tuyên truyền sự thật về lịch sử nước nhà cho quốc dân, khiến (họ) hiểu rõ trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc của người xưa, làm nảy sinh, khơi dậy lòng cảm khái cùng thành ý hăng hái trân trọng và bảo vệ (nước nhà) của họ” (Hoàng Tuấn Kiệt 2022: 235). Phan Bội Châu, ngay từ thập niên đầu thế kỷ XX, khi viết *Việt Nam Quốc sử khảo*, cũng đặc biệt nhấn mạnh mối liên hệ giữa sử

học với vận mệnh quốc gia: “Thân ta còn đây, nước ta không thể mất được. Mong người nước ta nhớ đến nước ta, tôi kính cần làm ra quyển *Quốc sử khảo* này” (Phan Bội Châu 1962: 17), qua đó, xem hoạt động sử học như một loại hình hoạt động “tuyên truyền cách mạng” như ông tự thuật trong niên biểu của mình (Phan Bội Châu 1971: 127). Quan điểm sử học của tạp chí *Tri Tân* cũng không nằm ngoài dòng chảy của nền sử học thấm đẫm tinh thần dân tộc ở các quốc gia Đông Á thời cận, hiện đại.

5. Kết luận

Các học giả *Tri Tân* đã xây dựng và phát triển quan điểm sử học của mình trong sự tương tác giữa hai yêu cầu lớn của thời đại: yêu cầu của sự phát triển khoa học và yêu cầu của phong trào yêu nước. *Một mặt*, quan điểm thực chứng về sử liệu, được trình bày một cách trực tiếp hoặc thông qua những nghiên cứu cụ thể trên tạp chí *Tri Tân*, thể hiện nỗ lực của những người sáng lập tạp chí này trong việc gây dựng cơ sở cho một nền sử học với tính cách là một ngành khoa học hiện đại, qua đó, không ngừng truy cầu sự thực lịch sử, tái tạo sự thực lịch sử. *Mặt khác*, tinh thần dân tộc được biểu lộ thông qua nghiên cứu lịch sử của họ cũng đồng thời là sự kế thừa dòng mạch của sử học yêu nước Việt Nam thời cận đại vốn đã được khai mở bởi những học giả tiền bối mà Phan Bội Châu là nhân vật có tính đại diện. Hai phương diện này đồng thời tồn tại, làm nên đặc trưng

nổi bật của quan điểm sử học của tạp chí *Tri Tân* nói riêng, cũng là đặc trưng của hoạt động sử học ở Việt Nam trong bối cảnh thuộc địa. Với ý nghĩa đó, thực hành sử học của những học giả *Tri Tân* vừa là thực hành khoa học, vừa là sự thể nghiệm cách tiếp cận mới, phương pháp mới, quan điểm mới trong nghiên cứu lịch sử, lại cũng là thực hành chính trị như một bộ phận của phong trào yêu nước Việt Nam những năm 40. Đặt hoạt động của *Tri Tân* trong mối liên hệ với những nhóm trí thức, hội đoàn trí thức yêu nước đương thời như tạp chí *Thanh Nghị*, Tổng hội Sinh viên Đại học Đông Dương v.v, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định điều này.

Nhìn lại hoạt động sử học của *Tri Tân* trong suốt 5 năm tồn tại của mình, chúng tôi cho rằng, mặc dù những nhân vật chủ chốt của tờ tạp chí này chưa đi đến cái đích cuối cùng là biên soạn một bộ quốc sử, nhưng xét trên cả hai phương diện thể hiện quan điểm sử học mới và thực hành quan điểm sử học ấy, họ đều có công hiến lớn đối với sự phát triển tư duy lịch sử của người Việt Nam, với sự phát triển của sử học như một ngành nghiên cứu hiện đại và với sự phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam trong những năm 40 của thế kỷ XX.

Tài liệu trích dẫn:

1. Hoa Bằng. 1942a. “Lịch trình nghề ấn loát Việt Nam: Từ lối in mộc bản xưa đến thuật in hoạt bản bây giờ”.

Tri Tân. 49: 2-4, 21.

2. Hoa Bằng. 1942b. “Quan niệm về sử học và phép chép sử của ta xưa”. *Tri Tân*. 68: 2-4.

3. Hoa Bằng. 1943. “Quốc sử ngày nay đã được các bạn thanh niên đặc biệt chú ý”. *Tri Tân*. 97: 2-3.

4. Phan Bội Châu. 1962. *Việt Nam quốc sử khảo*. Chương Thâu dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

5. Phan Bội Châu. 1971. *Phan Bội Châu niên biểu*. Saigon: Nhóm Nghiên cứu Sử Địa xuất bản.

6. Lê Phương Duy. 2023. “Quan kiến về thể lệ (bút pháp) và đại nghĩa Xuân Thu của Ngô Thì Nhậm trong *Xuân Thu quản kiến*”. Trang 255-302 trong sách *Kinh học Nho gia ở Việt Nam và Đông Á: Di sản và giá trị*, Chủ biên: Nguyễn Tài Đông. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Hoàng Tuấn Kiệt. 2022. *Tư tưởng Nho gia và tư duy lịch sử Trung Quốc*. Quách Thu Hiền, Bùi Bá Quân, Nguyễn Anh Tuấn. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Nguyễn Thành Nguyên. 1942. “Sông Bạch Đằng”. *Tri Tân*. 64: 12-13.

9. Chương Thâu (biên soạn). 2010. *Đông Kinh Nghĩ thực và văn thơ Đông Kinh Nghĩ thực*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.

10. Chu Thiên. 1941. “Một nữ anh hùng bị mai một! Bà Lương giết giặc Minh hạ thành Cổ Lộng”. *Tri Tân*. 2: 17-19.

11. Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố. 1942. “Sử thần đối với nhà Đinh như thế nào?”. *Tri Tân*. 41: 10-11.

12. Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố. 1943. “Lạc vương với Hùng vương”. *Tri Tân*. 96: 4-5,20.

13. *Tri Tân*. 1941a. “Phi lộ”. *Tri Tân*. 1: 3.

14. *Tri Tân*. 1941b. “Trên đường sử học tiến lên”. *Tri Tân*. 2: 2.

15. *Tri Tân*. 1942. “Một năm qua”. *Tri Tân*. 48: 2-3.

16. *Tri Tân*. 1943. “Hai năm qua”. *Tri Tân*. 98: 2-3.

17. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. 2004. *Ngữ văn Hán Nôm*, tập 1: Tứ thư. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

18. Khuông Việt. 1941. “Cần phải biết sử nước nhà”. *Tri Tân*. 7: 2.

19. Chu Hi tập chú. 1975. *Tứ thư tập chú*, “Luận ngữ tập chú”. Đài Bắc: Học Hải xuất bản xã.

20. Trần Trọng Dương. 2019. “Đối thoại đa thanh trong các sử phẩm của Nguyễn Văn Tố” (<https://tiasang.com.vn/van-hoa/doi-thoi-da-thanh-trong-cac-su-pham-cua-nguyen-van-to-18444/>). Truy cập ngày 20/7/2024.

21. Hoàng Hồng. 2023. “Các khuynh hướng sử học trong thế kỷ XIX và XX”. (<https://his.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/nguyen-viet-hoang/cac-khuynh-huong-su-hoc-trong-the-ky-xix-va-xx-5693.html>). Truy cập ngày 20/7/2024.